

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

"V/v Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Chiến và ông Vũ Quý Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Tuyết Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thùy D** - Sinh năm 1978

Nơi cư trú: Khu B, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Trần Xuân B** - Sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Khu B, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Chị D, anh B đều đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị D trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

- Chị và anh Trần Xuân B tự nguyện kết hôn với nhau ngày 12/12/1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ anh B tại xã S được 01 năm thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách lối sống. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị D xác định tình cảm không còn vì vậy yêu cầu Tòa án cho được li hôn anh Trần Xuân B.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày chị và anh Trần Xuân B có với nhau 02 con chung là Trần Thị Thu L; sinh ngày 13/12/1999 và Trần Thị Hương

L1; sinh ngày 18/7/2002. Cả 02 con chung đều đã thành niên, tự lao động lo cho bản thân nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về chăm sóc, nuôi dưỡng con sau li hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp chị Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Xuân B có lời khai đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa và xác nhận về thủ tục kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị Nguyễn Thị Thùy D đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh tại khu B, xã S, huyện Đ. Anh B cũng xác nhận trong thời gian vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, bản thân anh đã cố gắng thay đổi nhưng chị D vẫn không bỏ qua và từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã không còn thường xuyên sống chung, cũng không còn chuyện trò với nhau nữa. Anh B không đồng ý li hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nếu chị D vẫn kiên quyết li hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh Trần Xuân B trình bày xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Thùy D có với nhau 02 con chung là Trần Thị Thu L; sinh ngày 13/12/1999 và Trần Thị Hương L1; sinh ngày 18/7/2002. Cả 02 con chung đều đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết về chăm sóc, nuôi dưỡng con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp anh Trần Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoàn Hùng đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy D. Về con chung đã thành niên; tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoàn Hùng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ về phiên hòa giải nhưng bị đơn anh Trần Xuân B vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các đương sự: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Trần Xuân B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi chị D, anh B cư trú thì trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên chính là do bất đồng về quan điểm, tính cách. Do mâu thuẫn không giải quyết được nên từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã

không còn sống chung, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân. Mặc dù anh B không đồng ý li hôn, tuy nhiên để có một hôn nhân hạnh phúc, bền vững phải xuất phát từ tình cảm tự nguyện và sự vun đắp của cả hai bên nhưng thực tế thì đã nhiều năm nay, chị D và anh B đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, cũng không có những biện pháp tích cực để cùng nhau giải quyết bất đồng mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt không còn khả năng hàn gắn, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Trần Xuân B xác nhận có 02 con chung như đã trình bày ở trên. Các con chung đều đã thành niên, tự lo được cho bản thân nên chị D, anh B không yêu cầu về chăm sóc, nuôi dưỡng con sau li hôn vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Trần Xuân B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí li hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Nguyễn Thị Thùy D được li hôn anh Trần Xuân B.

- Về con chung: Cả hai con chung là Trần Thị Thu L; sinh năm 1999 và Trần Thị Hương L1; sinh năm 2002 đều đã thành niên, các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số 0002239 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Sóc Đăng, h. Đoan Hùng;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Tạ Hồng Tuấn